

**TOÀ ÁN N DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày 07-7-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**N DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trường Thọ.

Các hội thẩm N dân: Ông Trịnh Khắc Long và bà Hoàng Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thìn – Thư ký Tòa án N dân huyện Ngọc Hồi.

- Đại diện viện kiểm sát N dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Công Tư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07-7-2020, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2020/TLST-DS ngày 12-3-2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 05-6-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2020/QĐST-DS ngày 22-6-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Kim X, sinh năm ...; địa chỉ: Khối , thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tài S, sinh năm ...; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn H, sinh năm ...; địa chỉ: Tổ 7, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

+ Anh Trần Thiện Đình N, sinh năm ...; địa chỉ: Khối , thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn – chị Dương Thị Kim X trình bày: Vào ngày 21-10-2019, thông qua sự giới thiệu của ông Lê Văn H, chị có cho anh Nguyễn Tài S mượn

số tiền 202.000.000đồng, hạn đến ngày 21-11-2019 sẽ trả nợ. Khi cho mượn tiền, chị X không gặp anh S, mà đưa tiền cho ông H để ông H trực tiếp giao lại cho bị đơn; anh S có viết giấy mượn tiền cho chị X.

Tuy nhiên, khi đến hạn, dù chị X đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh S không trả nợ. Do vậy, chị X khởi kiện yêu cầu anh S trả lại số tiền đã mượn là 202.000.000đồng.

- *Về phía bị đơn: Tại bản khai ngày 30-3-2020, anh Nguyễn Tài S trình bày:* Vào ngày 21-10-2019, anh được ông Lê Văn H gọi điện đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ để trả tiền lãi cho khoản nợ mà anh S đã vay của Ngân hàng trước đó. Đến nơi, anh S yêu cầu ông H trả tiền mua gỗ cho anh S thì anh mới có tiền trả lãi cho Ngân hàng. Ông H bảo anh S gặp anh Trần Thiện Đình N, là cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ. Khi gặp, theo hướng dẫn của anh N, anh S đã viết 01 giấy mượn tiền. Ông H và anh N nói với anh S, viết giấy mượn tiền đó để ông H lấy tiền từ Ngân hàng ra nhằm trả tiền lãi cho khoản nợ của anh S. Như vậy, giấy vay tiền mà nguyên đơn dùng để khởi kiện là do anh S viết nhưng số tiền trong vụ án không phải anh vay của chị X. Nay, nếu ông H trả tiền mua gỗ cho anh S thì anh sẽ trả số tiền mà chị X khởi kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Văn H trình bày:* Trước đây, ông với anh S là chỗ quen biết vì anh S là khách hàng vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ, nơi ông H đang là Giám đốc. Vào ngày 21-10-2019, khi anh S nhờ ông giới thiệu cho anh S mượn tiền của người khác để trả tiền lãi ngân hàng thì ông đã giới thiệu cho chị Dương Thị Kim X. Trên cơ sở đó, chị X đã cho anh S mượn số tiền 202.000.000đồng. Khi cho mượn tiền, chị X đưa tiền cho ông H rồi ông trực tiếp giao lại cho anh S. Anh S nhận tiền và viết giấy mượn tiền gửi lại cho chị X cất giữ. Giấy mượn tiền trong vụ án là do anh Trần Thiện Đình N – Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ hướng dẫn anh S viết. Số tiền vay được, anh S đã sử dụng để trả tiền lãi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Trần Thiện Đình N thừa nhận:* Vào ngày 21-10-2019, theo yêu cầu của ông H, anh có hướng dẫn cho anh S viết giấy mượn của chị X số tiền 202.000.000đồng. Ngoài ra, anh không có liên quan gì đến số tiền trong vụ án.

Tại phiên tòa:

- Chị Dương Thị Kim X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn – anh Nguyễn Tài S dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tiến hành tố tụng đúng với quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 97, 98, 195, 196 và 220 và các quy định khác của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng một số quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Tài S phải trả cho chị Dương Thị Kim X số tiền 202.000.000 đồng. Về án phí: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị buộc bị đơn phải chịu 10.100.000 đồng án phí sơ thẩm; trả lại cho chị Dương Thị Kim X số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 5.050.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn – chị Dương Thị Kim X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Nguyễn Tài S trả lại số tiền đã vay. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn cư trú tại Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án N dân huyện Ngọc Hồi, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn – anh Nguyễn Tài S dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Chị Dương Thị Kim X yêu cầu anh Nguyễn Tài S trả lại số tiền đã vay là 202.000.000đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp đến Tòa án 01 “Giấy mượn tiền” nội dung thể hiện: Vào ngày 21-10-2019 anh S có vay của chị X số tiền 202.000.000đồng.

[3.2] Về phía bị đơn – trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tài S thừa nhận giấy mượn tiền trên là do anh viết, nhưng cho rằng: Anh không vay tiền của nguyên đơn; giấy mượn tiền này là do ông Lê Văn H và anh Trần Thiện Đình N hướng dẫn cho anh viết với mục đích là để ông H lấy tiền từ Ngân hàng nhằm trả tiền lãi cho khoản nợ mà anh S đã vay của Ngân hàng trước đó.

[3.3] Lời khai của anh S không được chị X, ông H thừa nhận. Chị X, ông H khẳng định số tiền tranh chấp trong vụ án là do chị X cho anh S mượn để trả tiền lãi Ngân hàng. Trình bày của chị X, ông H phù hợp với nhau và trùng khớp nội dung giấy mượn tiền có tại hồ sơ vụ án; trong khi đó anh S không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập phiên đối chất, hòa giải giữa các bên đương sự để làm rõ về nguồn gốc số tiền mà chị X khởi kiện, nhưng bị đơn luôn cố tình vắng mặt không có lý do. Bởi vậy, lời khai của anh S về nguồn gốc giấy mượn tiền và số tiền tranh chấp, đều không có cơ sở xem xét.

[3.4] Về nghĩa vụ trả nợ: Trong giấy mượn tiền ngày 21-10-2019 anh S cam kết sẽ trả nợ vào ngày 21-11-2019. Quá trình giải quyết vụ án, anh S không thừa nhận vay tiền của chị X và không chứng minh về việc đã trả lại tiền. Chị X khẳng định đến nay anh S chưa trả nợ cho chị.

[3.5] Với những nhận định, phân tích ở trên, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 21-10-2019 anh Nguyễn Tài S có vay của chị Dương Thị Kim X số tiền 202.000.000 đồng, hẹn trả nợ vào ngày 21-11-2019. Tuy nhiên, đến nay anh S vẫn chưa trả tiền cho chị X. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát N dân huyện Ngọc Hồi đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có cơ sở.

[3.6] Về tiền lãi chậm trả nợ: Quá trình tham gia tố tụng, chị Dương Thị Kim X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Trong bản tự khai ngày 30-3-2020, bị đơn - anh Nguyễn Tài S còn có ý kiến rằng: Nếu ông Lê Văn H trả tiền mua gỗ còn nợ của anh thì anh sẽ trả số tiền mà chị Dương Thị Kim X khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh S chỉ có ý kiến khi tự khai chứ không có yêu cầu cụ thể. Hơn nữa, ý kiến của anh S không liên quan đến số tiền mà nguyên đơn khởi kiện, nên không thể xem xét trong cùng vụ án này. Sau này, nếu giữa anh S và ông H có tranh chấp đối với

khoản tiền mua gỗ mà bị đơn đã nêu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án riêng.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn – anh Nguyễn Tài S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: $(202.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 10.100.000 \text{ đồng}$. Chị Dương Thị Kim X không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim X;

- Buộc anh Nguyễn Tài S phải trả cho chị Dương Thị Kim X số tiền gốc đã mượn là 202.000.000 đồng (*hai trăm lẻ hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chị Dương Thị Kim X có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Tài S không trả đủ số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

2. Về án phí:

- Buộc anh Nguyễn Tài S phải nộp 10.100.000 đồng (*mười triệu, một trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị Dương Thị Kim X số tiền 5.050.000 (*năm triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí (do anh Nguyễn Hữu Khánh nộp thay) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/ 0002343 ngày 12-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi.

3. Về kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07-7-2020), nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Chi cục THA h. Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Trường Thọ